

PHẨM BỒ ĐỀ PHẦN

Trên đây, phẩm Cúng Dường trước trong hạnh Thắng tấn, nói về thuyết tùy duyên xây dựng tu hành.

Ở đây, đã nói phần Bồ-đề phần, tức là hạnh nội tại. Như bài tụng đã nêu mười lăm pháp đều hướng đến Bồ-đề, gọi là chung là pháp Bồ-đề.

Phần cũng có thể thứ chín trong mười lăm pháp, nói thú hướng về Bồ-đề. Gọi chung là phần pháp Bồ-đề, cũng có thể thứ chín trong mười lăm pháp là nói về Bồ-đề phần. Từ đây, nêu tên Phẩm là phẩm Bồ-đề Phần.

Trong văn, trước hỏi, sau đáp. Trong phần đáp, đầu tiên, có hai bài tụng nêu mười lăm môn. Sau là giải thích riêng theo thứ lớp trong văn xuôi.

Trong hai bài tụng, bài tụng đầu, nêu chín, bài tụng sau, nêu sáu.

Nếu theo kinh, luận Thập Địa nói chung cho thực hành pháp Bồ-đề phần có mười thứ:

- 1/ Tín.
- 2/ Xả.
- 3/ Từ.
- 4/ Bi.
- 5/ Tâm.
- 6/ Quý.
- 7/ Sức giữ vững.
- 8/ Không có nhàm chán.
- 9/ Luận trí mười đời.

Sáu pháp như Tâm v.v... của Kinh Thập Địa kia, đồng với chỗ này. Bốn pháp như Tín v.v... lược qua không nói. Vì sao? Luận sư Trắc giải thích “Phẩm chủng tánh ở trước nói tám thứ. Trong phẩm Thí, giới, nói rộng về Xả v.v... Trong phẩm Cúng Dường, nói rộng về Từ, Bi, cho nên chỗ này không nói.”

Trong phần giải thích riêng của Văn xuôi, tức là mười lăm đoạn:

Đầu tiên, giải thích về tâm, quý. Rằng, đối với mình mà sinh ác tác hữu y, theo đuổi không Xả mà cảm thấy hổ thẹn. Luận sư Cảnh nói “Ác tác là ăn năn. Vì ăn năn rồi làm trở lại, nên gọi là Hữu y tùy trực.”

Pháp sư Thái nói “Vì ăn năn chỗ đã nương tựa, nhưng không thể bỏ, dựa vào sự ăn năn chỗ nương tựa này mà sinh hổ thẹn. Phải biết gọi

là Y Xứ thứ tư.”

Pháp sư Khuy Cơ nói , “do làm ác thứ ba đã ăn năn, ăn năn rồi, lại làm nữa. Vì làm sau dựa vào làm trước, nên gọi là “hữu y”.”

Luận sư Trắc nói “Đối với mình đã làm điều thiện, ác vì nghi ngờ Khởi lên mà cảm thấy hổ, thẹn. Ác tác là ăn năn; “hữu y” là nghi. Cho nên, Cựu luận nói “Nếu là nghi ngờ ăn năn, tự có thể trừ diệt, tiếp tục khởi hổ thẹn, gọi là Y xứ thứ tư.”

Kế là, giải thích về sức tánh giữ vững. Luận sư Cảnh nói “Nói cảm được tâm nhiễm, tức lấy Niệm, Tuệ làm tánh.”

Kham nhẫn tánh khổ, nghĩa là an nhẫn là Trí. Đối với nhiều sự sợ hãi mạnh mẽ, nhạy bén, không có tánh nghiêng động, nghĩa là khó phá hoại tánh tinh tấn , cho đến hay chính đáng tư duy lựa chọn, lại là Trí. Tìm văn, lược lật, tức dùng Niệm, Tuệ, tinh tấn làm tánh của sức giữ vững.

Luận sư Trắc nói “Tánh dừng cảm tương ứng dưới đây phát ra Thể của trì. Nói tánh dừng cảm, nghĩa là tinh tấn. Nói tương ứng, nghĩa là định này. Chủ thể tư duy, lựa chọn, là Tuệ. Cho nên, trong luận Trang Nghiêm, hỏi thế, tướng của Vô úy thế nào? “Kệ rằng “Ba tấn, định, tuệ Khởi.”

Tâm không nhàm chán, mệt mỏi. Luận sư Cảnh nói “Tức dùng ba pháp Tinh tấn, Tuệ, Bi làm Thể.”

Trong năm nhân duyên, 1/ Tự tánh có sức mạnh. 2) Thường tu tập. Do hai nhân duyên này, nên không có nhàm chán, mệt mỏi. Ba pháp dưới đây phát ra Thể. Thứ ba, Tinh tấn; thứ tư, là Tuệ mẫu nhiệm; thứ năm, là tâm Bi. Nên biết, ba pháp là Thể.

Luận sư Trắc nói “Cựu luận chép: không nghiêng động.” Nay, ở đây nói là tâm không có nhàm chán, mệt mỏi. Nếu theo luận Trang Nghiêm thì gọi là không lui sụt.

Chia ra bốn môn:

1) Phẩm loại có ba:

- a) Nghe pháp không nhàm chán, không lui sụt.
- b) thường đại tinh tấn, không lui sụt.
- c) Đối với khổ sinh tử, thường không lui sụt.

2) Y chỉ có hai:

- a) Tàm, b) Dũng.

Người có hổ thẹn, không lui sụt, lui sụt thì chẳng phải mạnh mẽ.

3) Tự tánh. Nghĩa là ưa thích Đại Bồ-đề. Nếu quay lại sự muốn ưa, tức lui sụt.

4) Sai khác, có ba:

a) Chưa thành, nghĩa là ở Địa Tín, Hạnh, Bồ-tát không lui sụt.

b) Thành, nghĩa là Sơ địa, cho đến Thất Địa, Bồ-tát không lui sụt.

c) Cực thành không lui sụt, nghĩa là bát Địa trở lên, Bồ-tát không lui sụt. Nên biết lấy muốn ưa thường xuyên làm Thể của không nhằm chán, mệt mỏi.

Khéo biết nói. Luận sư Cảnh nói “Phần này có bốn:

1) Văn tuệ.

2) “Đối với...” trở xuống, là kể là, luận về Tư tuệ.

3) “Như thế, biết pháp, biết nghĩa...” trở xuống, là vì ôn lại, nên không quên, tức dùng niệm với tinh tấn làm thể.

4) “Lại, vì biết rõ...” trở xuống, là biết cái mới, cũng chung cho văn, tư. Luận sư Trắc nói “Nếu theo luận Trang Nghiêm thì gọi là biết pháp.

Chia ra sáu môn:

1) Biết pháp, nghĩa là biết luận Ngũ minh

2) Biết pháp nghiệp, nghĩa là biết lợi mình, lợi người, lấy đây làm nghiệp.

Biết Nội luận, nghĩa là tự tu và nói cho người khác nghe. Biết nhân luận, nghĩa là vì bày tỏ nghĩa của mình và khuất phục nghĩa của người. Biết Thỉnh luận, nghĩa là vì âm tốt lành, nên khiến người tin, nhận. Biết y luận, nghĩa là vì chữa bệnh cho người. Biết Xảo luận, nghĩa là vì giúp cho người hiểu.

3) Biết tướng Luận, nghĩa là biết năm luận này có được năm nhân, là Bồ-tát biết tướng của luận:

a) Nghe được.

b) Giữ gìn được.

c) Tụng được.

d) Tư duy được.

e) Thông suốt được.

Trước khi nói, Bồ-tát có nghe, nghe xong, thọ trì; trì rồi tập tụng, tụng rồi dừng lại tư duy, tư duy rồi, thông suốt. Thông suốt, nghĩa là biết là công năng, biết lỗi lầm ấy. Đây là lời nói thiện, đây là lời nói ác.

4) Tướng Vô tận. Nghĩa là như trí này, cho đến phiền não vô dư cũng không cùng tận.

5) Đắc quả. Nghĩa là tự biết chứng được trí Nhất thiết chủng .

6) Hai môn:

a) Môn Tam muội.

b) Biết Đà-la-ni.

Biết luận, Bồ-tát dùng môn tam-muội, để thành thực chúng sinh, tùy hóa độ dẫn dắt. Dùng môn Đà-la-ni để thành thực pháp Phật, tùy theo pháp đã được, đều có thể giữ gìn.

Nay, trong Văn này có ba:

1) Nói Văn tuệ, tức thích hợp với ba tướng: Nghe, trì, tụng trong phần biết tướng của Luận Trang Nghiêm.

2) “Tức đối với như thế...” trở xuống, là nói về Tư tuệ, thích hợp với tư duy tướng đặc của Luận Trang Nghiêm.

“Lại, vì biết rõ...” trở xuống, là nói về Tu tuệ, tức thích hợp với thông suốt tướng đặc của Luận Trang Nghiêm, trong đó có hai:

1) Nói về Tu tuệ hữu lậu.

2) “Ở đây” trở xuống, là nói Tu tuệ Vô lậu, khả năng biết Thế, tức số Tuệ.

3) Khéo biết trong thế gian, đầu tiên là hỏi, kế là, giải thích, sau là kết.

Trong giải thích, trước là biết thế gian. Sau, là thuận theo thế gian. Luận Trang Nghiêm nói “Bồ-tát có ba thứ biết thế gian:

1) Thân biết thế gian, nghĩa là dung nhan sáng rõ, hớn hở, cười vui tươi.

2) Miệng biết, nghĩa là trước hết, ngỏ lời hỏi thăm, an ủi, khen tốt đẹp.

3) Để biết, nghĩa là: 1) Biết thế sinh, đây là biết khổ, Tập. 2) Biết thế diệt, tức đây là biết Diệt đạo, nói rộng như trong Luận Trang Nghiêm.

Y cứ trong phần đầu tiên biết thế gian có năm:

1) Biết chúng sinh thế gian.

2) Biết Khí thế gian.

3) Thực hành tám quán.

4) Thực hành thắng nghĩa quán Nhân vô ngã.

5) Nhắc lại để kết.

Trong phần trước có hai:

1) Biết thế gian không biết rõ như thật về nhàm chán sinh, tử, trên đến xuất ly. Pháp sư Thái nói “Đạo Vô lậu, có công năng dứt sinh tử, gọi là trên đến, xuất ly, mà các hữu tình đối với đạo xuất ly, không biết rõ như thật. Luận sư Trắc nói “Người, trời, phàm phu ra khỏi ba đường, gọi là trên đến; ba Thừa, Bồ-tát giải thoát ba cõi, gọi là xuất ly.

2) Biết thế gian vẫn đục, tăng, giảm. Thế tánh (tánh chất) của năm vẫn đục (năm trước):

- Tuổi thọ trước, người Đại thức lấy thức A-lại-da giữ gìn mãi không chết để giả lập ra Mạng căn, tức dùng mạng căn này làm Thế của tuổi thọ vẫn đục.

- Hữu tình trước trong giải thích ở dưới nói “Không biết cha, mẹ, Sa-môn hoặc Bà-la-môn, không nhận thức gia trưởng, lấy sự kiêu căng, ngạo mạn làm thế. Không sợ tội đời này, lấy vô minh làm thế. Không tu thiện v.v... lấy sự lười biếng làm Thế, tức lấy năm pháp làm Thế vẫn đục của hữu tình. Nếu năm uẩn đồng thời, thì lấy cả năm làm Thế.

- Phiền não trước. Nghĩa là trừ kiến, và phiền não khác của năm thứ trước, làm Thế của vẫn đục này.

- Kiến trước. Nghĩa là đói khát, bệnh dịch, lấy hai số trong năm trước làm Thế. Việc đao, binh, dùng bốn trần, hoặc năm uẩn làm Thế của Kiếp. Nếu y cứ ở giới để phân biệt thì chỉ cõi Dục, chỉ cho cõi Diêm-phù Đề ở phía Nam. Sở dĩ biết được như thế, là vì trong văn tự nói. Chẳng hạn như con người ở thời đại ngày nay, số tuổi thọ ngắn ngủi v.v... cho đến như vào thời kỳ này dần dần sẽ đi vào cảnh đói khát, trộm cướp v.v...

Nếu nói về đối trị thì vì lẽ do hành động giết hại, nên bị chết yểu. Nay, tu không sát hại, sẽ lìa khỏi mạng trước.

Do không cung kính, si mê, keo kiệt, lười biếng, nên sự vẫn đục của hữu tình Khởi (nổi lên). Nếu tu cung kính, sẽ tách rời sự si mê, keo kiệt v.v... lìa Hữu tình trước. Nếu được Thánh đạo, thì lìa phiền não trước và Kiến trước.

- Kiếp trước, nghĩa là nếu ở vào thời nay, giữ giới không sát trong một ngày, đêm thì cuối cùng sẽ không sinh vào kiếp đao binh kia. Nếu dùng một bữa ăn thí cho ruộng phước tăng thì không bao giờ sinh trong kiếp đói khát kia. Thí một quả A-Lê-Lặc cho một người binh thì sẽ không bao giờ sinh trong kiếp dịch bệnh lan tràn kia.

Nói tập tham phi pháp, nghĩa là tham lấy vật của người dần dần sẽ đi vào kiếp đói khát v.v... Phải biết rằng, thời nay đã bước vào trong ba tai, nhưng chưa rốt ráo. Tai đói rất ráo là đến thời gian ba mươi tuổi, bệnh đến thời gian hai mươi tuổi, binh đao, chủ yếu là vào thời gian, tuổi thọ con người chỉ còn mười tuổi.

“Lại nữa, các Bồ-tát đối với thế gian kia...” trở xuống, là thứ ba, thực hành tám quán. Cự luận lược qua không có quán thứ tư. Đối với hành vi nhóm tập có thể qua đến thế gian, có bảy trường hợp còn lại.

Luận sư Cảnh nói “Nói đối với thế gian, thì quán khổ. Đối với Tập của thế gian, đối với Diệt của thế gian, thì quán Tập, diệt. Đối với hành vi nhóm tập qua đến thế gian, đây là quán Thọ. Nhân Thọ sinh ra Ái. Ái là Thể của Tập, Thọ là đi qua, hưởng đến, là hành động của Tập. Chỗ khác chỉ thực hành bảy quán, không quán về Thọ.

Đối với hành diệt hay hưởng đến thế gian, đây là quán Đạo.

Ái Vị , nghĩa là trùng quán đối với tập. Tai họa, nghĩa là trùng quán đối với khổ. Và, xuất ly, nghĩa là trùng quán đối với Diệt, lược qua không trùng quán đối với Đạo, vì tâm năng quán chính là Đạo.

Vì Tập là gốc của sinh, tử, cho nên dùng ba Độ để quán.

Pháp sư Thái nói “Hỏi “Vì sao Tập đế thì cần ba lớp quán, còn Không đế, Diệt đế chỉ có hai lớp quán?”

-Nghĩa là “Vì khổ, Tập sâu có thể nhầm chán, nên quán hai, ba lớp. Vì Diệt rất có thể phân tích, nên cũng trùng quán. Lại, bốn Đế của năm quán ở trước chỉ trùng quán Tập.”

Hành động hưởng đến Tập, gọi là Ái, nghĩa là do sâu có thể nhầm chán, nên cố ý quán lại.

Ở trước là quán riêng bốn Đế, dưới đây, là quán lại bốn Đế.

Ái Vị , nghĩa là Tập đế, hoặc khổ đế. Tai họa lỗi lầm, nghĩa là khổ đế, hoặc là Tập đế.

Xuất ly, là hai Đế Vô lậu là một quán.

Luận sư Trắc nói “Tương truyền giải thích rằng “Tám thứ quán là “Lấy bảy Xứ thiện làm bảy. Vô ngã là thứ tám.” Thuyết này không đúng. Vì ngài Tam tạng xét Thích Luận của Phạm rồi giải thích. Về nghĩa, đồng với Luận sư Cảnh “Tám quán trên, gọi là An lập đế quán.”

Dưới đây, phần thứ tư, nói về Quán Thắng Nghĩa của nhân Vô ngã. Rằng, trưởng lão này có tên v.v... như thế. Cự luận chỉ có bảy thứ trước, lược qua không có thứ tám, đều đủ bờ mé của thọ lượng.

Từ đây trở xuống, là thứ năm, là nêu, kết bốn thứ trước, rất dễ hiểu.

Trên, đã nói về biết thế gian xong. Dưới đây, là nói về thuận theo thế gian, trong đó có bốn:

1) Nói về vận chuyển ái ngữ nhằm giáo hóa, thuận với tâm tình của chúng sinh.

2) “Hoặc biết, không biết...” trở xuống, là nói về chuyển hạnh lợi tha để hóa độ thích hợp với căn cơ chúng sinh.

3) “Hoặc vì nghĩa sự lợi ích hiện pháp...” trở xuống, là nói về chuyển hạnh thí cho, nhằm giáo hóa, vừa ý chúng sinh.

4) Trong việc đáng nên làm kia...” trở xuống, là nói về hạnh Đồng sự chuyển, nhằm giáo hóa thích hợp với thời cơ.

Mười bốn nghiệp như bản, đây là xuất xứ từ Kinh A-hàm Thiện sinh vấn. Kinh ấy giải thích về mười nghiệp rằng “Lìa nghiệp bốn Kiết: Sát sinh; trộm cắp, tà dâm, nói dối. Lìa nghiệp do bốn phi Xứ Khởi. Nghĩa là tham sân, si, sợ hãi, lìa sáu thứ tài sản hao hụt, đó là:

- 1) Uống rượu.
- 2) Cờ bạc.
- 3) Phóng đãng.
- 4) Ham ưa ca múa.
- 5) Bạn ác làm tổn thương nhau.
- 6) Lười biếng, trễ nãi.

Tàng ẩn sáu phương. Thiện Sinh kia hỏi Phật “Như việc của con đây, các quý thần ở sáu phương chưa biết Phật, pháp, có đồng với con chăng, bạch Thế tôn! Phật nói “Trong Phật pháp ta cũng nói về công việc của chúng sinh ở sáu phương, nhưng không đồng với ông. Cái gọi là cha mẹ là phương Đông, Sư trưởng là phương Nam; vợ, con là phương Tây, bạn thân là phương Bắc, tôi tớ là phương dưới, bậc Sa-môn cao đức là phương trên. Cúng dường, thờ phụng sáu phương, gọi là Tàng ẩn.

Tránh xa bốn bạn ác:

- 1) Sợ bạn chế phục. Vì sợ, nên họ rất tâm chẳng phải tốt.
- 2) Bạn nói lời traу chuốt, nhưng tâm họ không chân thật.
- 3) Kính, thuận với bạn, thiện, ác chỉ thuận theo.
- 4) Là bạn ác, mọi việc ác họ đều làm. Nhiếp bốn bạn lành:

- 1) Bạn dứt quấy.
- 2) Bạn từ, thương xót.
- 3) Bạn lợi người.
- 4) Bạn đồng sự.

Là dựa theo Kinh A-hàm kia, mỗi việc giải thích riêng, nhưng luận Địa Trì bản cửu dịch nói rằng “Lìa mười bốn việc như bản, nghĩa là che giấu sáu phương; bốn bạn ác gây khó khăn Nhiếp bốn bạn lành. Địa Trì lẽ ra là lầm! Vì “Thi-Khư-Chung-Ca”, ở đây lẽ ra chỉ cho thuyết trong A-hàm kia. Từ các kinh kia, người ta lấy đó đặt tên, Hán dịch gọi là Đảnh Kế Trì. Dưới đây, là thứ ba, tổng kết:

Rằng “Như thế gian kia, chính là đối tượng nên biết, là Kết biết thế gian thứ nhất kia. Như thế gian kia, chính là đối tượng thích hợp, đối tượng được chuyển biến, là thuận theo thế gian thứ hai kia.